

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ cho cơ quan nước ngoài (cho thuê nhà và thuê lao động); Cho thuê nhà; Giáo dục mầm non; Giáo dục bậc tiểu học; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; khách sạn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp kinh doanh cao ốc văn phòng	
Cơ sở 1	Số 2-6, đường Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 2	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 3	Số 23, đường Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp kinh doanh nhà	Số 124, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trường quốc tế FOSCO	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm cung ứng lao động	Số 124, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng – Sửa chữa và Trang trí nội thất	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, công ty có 199 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 217 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ xuất sử dụng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình chỉ bao gồm chi phí liên quan phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.472.687.434	706.084.777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.678.579.858	30.394.506.887
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>37.151.267.292</u>	<u>31.100.591.664</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng				

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	246.500.000.000	246.500.000.000	251.500.000.000	251.500.000.000
Cộng	246.500.000.000	246.500.000.000	251.500.000.000	251.500.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Ngoại giao	2.266.091.763	1.226.091.761
Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà (30.000 USD)	682.950.000	681.900.000
Cty TNHH Buôn Bán Cá Tra	100.680.000	100.680.000
Hualon Corp Việt Nam	175.089.597	174.262.510
Cty CP Chín Chín Núi	-	103.117.028
Cty CP Thông tin DL Việt Nguồn	87.401.000	87.401.000
Các khách hàng khác	3.996.718.216	2.977.120.050
Cộng	7.308.930.576	5.350.572.349

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng số 14	20.600.000.000	20.600.000.000
Các nhà cung cấp khác	598.093.136	1.907.935.483
Cộng	21.198.093.136	22.507.935.483

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tiền lãi còn phải thu TGNN	4.671.920.548	-	6.759.665.753	-
Tạm ứng	1.345.953.718	-	1.662.794.400	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	383.246.429	-	544.295.677	-
Các khoản phải thu chưa rõ nội dung, hóa đơn	17.973.233.158	-	5.915.146.777	-
Cho CBCNV vay từ nguồn Quỹ phúc lợi (*)	177.150.000	-	117.850.000	-
Đoàn phí công đoàn	-	-	110.178.035	-
Nộp thừa ngân sách nhà nước	13.346.054.254	-	10.711.187.783	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	127.306.364	-	318.737.356	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cộng	38.024.864.471	-	26.139.855.781	-

(*) Công ty thực hiện trình bày lại nội dung cho vay theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền ký quỹ dịch vụ việc làm	300.000.000	300.000.000
Ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động	2.000.000.000	2.000.000.000
Ký quỹ cho Công ty VINASUN	5.000.000	5.000.000
Cộng	2.305.000.000	2.305.000.000

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Số đầu năm	342.359.027
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Số cuối kỳ	342.359.027

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.463.074.334	70.160.824	9.073.119.569	11.469.477.793	104.180.000	43.180.012.520
Mua trong năm	-	117.930.000		474.426.437		592.356.437
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		-	-	-	-	
Tăng khác (điều chỉnh trình bày)	-	319.321.363	-		10.980.824	330.302.187
Thanh lý, nhượng bán			-	(338.723.194)	-	(338.723.194)
Giảm do điều chỉnh giảm nguyên giá xe ô tô TQT			(65.952.924)			(65.952.924)
Giảm khác (điều chỉnh trình bày)	-	(10.980.824)		(319.321.363)	-	(330.302.187)
Số cuối kỳ	22.463.074.334	496.431.363	9.007.166.645	11.285.859.673	115.160.824	43.367.692.839
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.575.689.575	-	6.000.266.904	10.267.115.382	-	35.843.071.861
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	20.735.534.333	-	6.527.976.344	10.772.205.019	104.180.000	38.139.895.696
Khấu hao trong năm	360.923.094	114.439.286	322.888.061	137.449.742		935.700.183
Tăng khác (điều chỉnh trình bày)	52.006.639	21.287.235	785.154		10.980.824	85.059.852
Thanh lý, nhượng bán			-	(332.068.381)	-	(332.068.381)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giảm khác (điều chỉnh trình bày)	-	-	-	(85.059.852)	-	(85.059.852)
Số cuối năm	21.148.464.066	135.726.521	6.851.649.559	10.492.526.528	115.160.824	38.743.527.498
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.727.540.001	70.160.824	2.545.143.225	697.272.774	-	5.040.116.824
Số cuối năm	1.314.610.268	360.704.842	2.155.517.086	793.333.145	-	4.624.165.341
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình của Công ty chỉ bao gồm chi phí liên quan phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	554.471.070	485.621.070	68.850.000
Tăng trong năm	47.200.000	17.407.503	29.792.497
Số cuối năm	601.671.070	503.028.573	98.642.497

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

485.621.070

9. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	46.085.008.746	39.004.434.181	7.080.574.565
Tăng trong năm	-	992.877.822	(992.877.822)
Số cuối năm	46.085.008.746	39.997.312.003	6.087.696.743

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.654.016.809 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	89.008.851.957	2.981.703.315	-	-	91.990.555.272
<i>Dự án 64 Phó Đức Chính (*)</i>	<i>88.456.668.910</i>	<i>1.994.751.130</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>90.451.420.040</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>552.183.047</i>	<i>986.952.185</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.539.135.232</i>
Cộng	89.008.851.957	2.981.703.315	-	-	91.990.555.272

(*) Trong đó tổng chi phí tiền thuê đất hàng năm mà Công ty đưa vào giá trị công trình tính lũy kế đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2017 là 12.558.020.454 VND.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ 03 năm.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Trang trí nội thất		
Thương mại Hưng Thịnh Phát	-	8.969.213
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại HDC	15.198.587	7.973.072
Công ty CP TVTK Xây dựng Nam Trung Phát	9.184.905	19.999.859
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Q.12	-	85.230.530
Các nhà cung cấp khác	9.283.902	45.054.938
Cộng	<u>33.667.394</u>	<u>167.227.612</u>

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Nguyễn Văn Tất		61.016.625
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP		44.785.218
Công ty TNHH Xúc tiến Đầu tư Quốc tế IIC		52.785.460
Công ty TNHH MTV Giờ Giải Lao 3	248.337.367	-
Công ty TNHH Quốc Tế Quadrille & Vera	94.542.000	-
Các khách hàng khác	112.310.926	315.858.449
Cộng	<u>455.190.293</u>	<u>474.445.752</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.090.624	-	8.032.433.860	7.806.529.630	239.994.854	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.540.628.983	3.507.254.995	3.119.051.855	-	10.152.425.843
Thuế thu nhập cá nhân	-	316.237.557	2.502.430.447	2.762.835.703	-	576.642.813
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	20.625.032.663	92.521.053	112.041.326.527	115.711.999.219	18.789.642.494	1.927.803.576
Tiền thuê đất	-	-	22.023.395.449	22.023.395.449	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	34.826.778	34.826.778	-	-
Thuế môn bài	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.829.857	1.829.857	-	-
Cộng	<u>20.639.123.287</u>	<u>10.949.387.593</u>	<u>148.154.497.913</u>	<u>151.471.468.491</u>	<u>19.029.637.348</u>	<u>12.656.872.232</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động trường học không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng	Không chịu thuế
- Tiền nước	05%
- Cho thuê nhà, hoạt động ủy thác, tiền điện, điện thoại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.983.038.803	66.396.018.933
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.233.927.548	17.734.456.431
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	157.724.702
Thu nhập chịu thuế	17.216.966.351	83.972.750.662
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.443.393.270</u>	<u>16.794.550.132</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<u>3.671.982</u>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.447.065.252</u>	<u>16.794.550.132</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

9 tháng đầu năm 2017, công ty tạm trích và tạm ứng quỹ tiền lương người quản lý doanh nghiệp, quỹ tiền lương người lao động năm 2017, cụ thể như sau:

a) Quỹ tiền lương tạm trích và tạm ứng cho người lao động trong 9 tháng đầu năm 2017 là 20.126.779.143 VND;

b) Quỹ tiền lương tạm trích và tạm ứng cho người quản lý doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2017 là 1.844.400.000 VND;

c) Quỹ lương thuê ngoài trong 9 tháng đầu năm 2017 là 6.238.290.310 VND sẽ được quyết toán theo số thực chi.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước tiền thuê đất	14.221.096.463	
Trợ cấp thôi việc	-	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	85.000.000
Cộng	<u>14.221.096.463</u>	<u>85.000.000</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân</i>		
Tiền học phí	9.296.109.250	6.071.944.989
Tiền thuê nhà	6.818.182	476.170.001
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	-	
Cộng	<u>9.302.927.432</u>	<u>6.548.114.990</u>

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, đoàn phí công đoàn	256.330.468	423.270.112
Bảo hiểm thất nghiệp khối văn phòng	241.429.482	
Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh - Tiền nhà 101 Pasteur (60.000USD) ⁽ⁱ⁾	1.365.900.000	1.365.900.000
Các khoản phải trả chưa rõ nội dung, hóa đơn	38.587.488.353	33.928.604.856
Cộng	<u>40.451.148.303</u>	<u>35.717.774.968</u>

- ⁽ⁱ⁾ Tổng Lãnh sự quán Vương Quốc Anh phải trả tiền thuê nhà số 101, đường Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 60.000 USD. Cục thống kê đã ủy quyền cho Công ty đại diện thu hộ tiền thuê nhà, khi thu đủ 60.000USD sẽ chuyển trả lại cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, thì Công ty đã thu được 30.000 USD và đang theo dõi đối tượng Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh, 30.000 USD còn lại Tổng Lãnh Sự quán Vương Quốc Anh đã cản trừ công nợ với Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà do Tổng lãnh sự quán Vương Quốc Anh đã trả cho Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà tiền thuê nhà 30.000 USD. Khi Công ty nhận được công văn số 2392/CV-UB-KT ngày 26 tháng 6 năm 1998 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty đại diện thu công nợ từ Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà, Công ty phát giấy báo thu nợ và ghi nhận vừa công nợ phải thu Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà là 30.000 USD và phải trả Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh 30.000 USD. Do đó, tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty ghi nhận công nợ phải trả Cục thống kê là 60.000 USD và phải thu Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà 30.000 USD.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô - Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	28.022.798.027	28.022.798.027
Công ty TNHH Minh Long - Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	16.854.725.579	16.854.725.579

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH KS Quảng trường Quốc tế	28.000.000.000	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.053.594.311	10.744.033.311
Cộng	<u>83.931.117.917</u>	<u>55.621.556.917</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong quý</u>	<u>Chi quỹ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Quỹ khen thưởng	4.348.235.574	(77.733.333)	(1.434.155.263)	2.836.346.978
Quỹ phúc lợi	8.198.567.466	1.043.644.650	(7.657.042.959)	1.585.169.157
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	553.633.771	-	(78.716.250)	474.917.521
Cộng	<u>13.100.436.811</u>	<u>965.911.317</u>	<u>(9.169.914.472)</u>	<u>4.896.433.656</u>

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Số đầu năm	2.770.138.212
Trích lập quỹ	-
Số cuối năm	<u>2.770.138.212</u>

21. Vốn chủ sở hữu*Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm***22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*****Ngoại tệ các loại***

Tại ngày kết thúc 9 tháng đầu năm 2017, số dư tiền có gốc ngoại tệ là 321.813,57 USD (số đầu năm là 39.074,25 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Doanh thu cho thuê nhà	57.943.429.477	57.707.235.411
Doanh thu dạy học, nuôi dạy trẻ	22.929.890.475	24.591.795.931
Doanh thu phí dịch vụ trả lương	11.877.508.724	13.828.679.535
Doanh thu điện, điện thoại, nước thu chi hộ	5.690.412.561	6.529.861.813
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhà	32.596.365	51.639.914
Doanh thu khác	1.434.007.274	1.136.038.508
Cộng	<u>99.907.844.876</u>	<u>103.845.251.112</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Hoàn trả học phí	474.511.044	2.048.000
Giảm tiền thuê nhà	169.272.727	46.426.363
Khác	113.216	82.487.260
Cộng	<u>643.896.987</u>	<u>130.961.623</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Chi phí nguyên liệu vật liệu, trực tiếp	7.153.556.305	3.326.682.774
Chi phí nhân công trực tiếp	7.563.241.149	
Chi phí sản xuất chung	59.327.472.775	1.169.406.851
Cộng	<u>74.044.270.229</u>	<u>4.496.089.625</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.213.216.771	12.667.913.056
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.119.903	29.565.247
Cộng	<u>10.272.336.674</u>	<u>12.697.478.303</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.338.319	93.860.939
Cộng	<u>43.338.319</u>	<u>93.860.939</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	8.722.286.068	26.914.496.165
Chi phí vật liệu quản lý	688.087.037	2.612.762.433
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.311.425	422.838.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.251.038	1.487.142.799
Thuế, phí và lệ phí	2.843.099.830	33.403.782.369
Chi phí điện, nước, điện thoại	556.929.173	7.796.014.782
Các chi phí khác	11.489.787.421	6.990.508.725
Cộng	<u>24.785.751.992</u>	<u>79.627.546.066</u>

7. Thu nhập khác

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Các khoản khác	3.725.020.171	34.427.497.032
Cộng	<u>3.725.020.171</u>	<u>34.427.497.032</u>

8. Chi phí khác

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Chi phí khác	48.802.378	326.975.161
Cộng	<u>48.802.378</u>	<u>326.975.161</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>9 tháng đầu 2016</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.153.556.305	4.496.089.625 ✓
Chi phí nhân công	28.209.469.453	26.914.496.165 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.945.985.508	1.487.142.799 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.093.117.524	11.494.338.738 ✓
Chi phí khác	47.427.893.431	39.455.477.864 ✓
Cộng	<u>98.830.022.221</u>	<u>83.847.545.191</u> ✓

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

2. Các thông tin bổ sung về hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác xây dựng cao ốc trung tâm giao dịch thương mại quốc tế FOSCO tại số 64 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Một số nội dung chính của Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh ngày 10 tháng 6 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài với Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long:

- Mỗi bên đồng ý góp vốn hợp tác với giá trị được xác định như sau:
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài đồng ý góp 40% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô đồng ý góp 38% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty TNHH Minh Long đồng ý góp 22% tổng số vốn đầu tư.
- Thời hạn hợp tác của các bên theo Hợp đồng là 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2055.

Thu nhập hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn tham gia hợp tác của mỗi bên.

Hồ Thị Quỳnh Liên
Người lập biểu

Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2017



Nguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3

BÁO CÁO DOANH THU, CHI TIẾT PHÍ

9 tháng đầu năm 2017

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	Trong đó liên doanh
I. TỔNG DOANH THU THUẦN (DTT)	113,905,201,721	✓
a) DTT sản xuất kinh doanh	99,907,844,876	✓
- DT cho thuê nhà công ty	57,943,429,477	
- DT dạy học, nuôi dạy trẻ	22,929,890,475	
- DT dịch vụ cho thuê nhà tư nhân	32,596,365	
- DT dịch vụ cung ứng lao động	11,877,508,724	
- DT dịch vụ khác	1,434,007,274	
- DT thu hộ điện, điện thoại, nước	5,690,412,561	
b) DT hoạt động tài chính	10,272,336,674	✓
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	10,213,216,771	
- Thu lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59,119,903	
c) Thu nhập khác	3,725,020,171	✓
- Thu kinh phí quản lý ngoại giao	2,363,636,363	
- Thu khác	1,361,383,808	
II. TỔNG CHI PHÍ (a+b+c+d+e+f)	98,922,162,918	✓ 0
a) Giá vốn:	74,044,270,229	✓
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	7,153,556,305	
- Chi phí nhân công trực tiếp (Giáo viên TQT)	7,563,241,149	✓
Trong đó: * Lương Giáo viên VN trực tiếp	1,324,950,839	
* Lương Giáo viên nước ngoài	6,238,290,310	
- Chi phí sản xuất chung	59,327,472,775	
Trong đó: * Lương nhân viên tại đơn vị kinh doanh	12,903,008,624	
b) Chi phí quản lý:	17,042,532,312	✓ 0
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (văn phòng)	979,066,388	
- Công cụ lao động	688,087,037	
- Lệ phí giao thông, xăng dầu	295,886,120	
- Sửa chữa thường xuyên	2,642,392,170	
- Văn phòng phẩm, in ấn, báo chí	212,311,425	
- Khấu hao cơ bản	273,251,038	
- Thuế môn bài công ty	11,000,000	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2,832,099,830	
- Chi trợ cấp thôi việc	160,866,750	
- Điện, nước, điện thoại, fax	556,929,173	
- Lễ tân, hội nghị	5,074,680,533	
- Chi phí công tác giao dịch	233,313,044	
- Tuyển dụng, đào tạo, thử việc	144,465,819	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	496,022,689	
- Chi phí khác (tiền ăn giữa ca, đồ rác...)	2,442,160,296	
c) Chi phí hoạt động tài chính	43,338,319	
d) Chi phí khác	48,802,378	
- Các chi phí khác	48,802,378	
e) Chi phí lương	7,743,219,680	✓
- Lương văn phòng	5,898,819,680	✓
- Lương người quản lý	1,844,400,000	✓
III. THỰC LÃI TRƯỚC THUẾ	14,983,038,803	✗ 0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Hồ Thị Quỳnh Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



VŨ THANH HOÀNG

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2017



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)

NGUYỄN TƯƠNG MINH

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ : 124 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3

Điện thoại: 38251933 Fax: 39325619

Mẫu số: B 02a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III			Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý III			Đơn vị tính: Đồng
			Năm nay	Năm trước	Trong đó LD	Năm nay	Năm trước	Trong đó LD	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	32,588,421,434	36,374,488,562	-	100,551,741,863	103,976,212,735	-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.2	355,217,063	82,267,949	-	643,896,987	130,961,623	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		32,233,204,371	36,292,220,613	-	99,907,844,876	103,845,251,112	-	
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.30	25,683,346,924	1,745,180,960	-	74,044,270,229	4,496,089,625	-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6,549,857,447	34,547,039,653	-	25,863,574,647	99,349,161,487	-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.4	1,723,799,529	3,922,163,056	-	10,272,336,674	12,697,478,303	-	
7. Chi phí tài chính	22	V1.5	-	14,119,290	-	43,338,319	93,860,939	-	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	8,383,727,879	28,673,773,634	-	24,785,751,992	79,657,281,789	-	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(110,070,903)	9,781,309,785	-	11,306,821,010	32,295,497,062	-	
11. Thu nhập khác	31	V1.7	1,418,531,465	33,142,174,870	-	3,725,020,171	34,427,497,032	-	
12. Chi phí khác	32	V1.8	12,271,207	19,399,812	-	48,802,378	326,975,161	-	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,406,260,258	33,122,775,058	-	3,676,217,793	34,100,521,871	-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,296,189,355	42,904,084,843	-	14,983,038,803	66,396,018,933	-	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	391,875,122	9,815,093,570	-	3,447,065,252	16,794,550,132	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-15-16)	60		904,314,233	33,088,991,273	-	11,535,973,551	49,601,468,801	-	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-	-	-	

Lập ngày 27 tháng 10 năm 2017



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Thanh Hoàng
VŨ THANH HOÀNG

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Thị Quỳnh Liên
HỒ THỊ QUỲNH LIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (*)
1	2	3	4	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		362.497.668.680	347.205.983.843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.151.267.292	31.100.591.664
1. Tiền	111	V.01	37.151.267.292	31.100.591.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		246.500.000.000	251.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	246.500.000.000	251.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.189.529.156	53.656.004.586
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.308.930.576	5.350.572.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	21.198.093.136	22.507.935.483
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	38.024.864.471	26.139.855.781
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(342.359.027)	(342.359.027)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.656.872.232	10.949.387.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	12.656.872.232	10.949.387.593
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		141.106.059.853	111.503.393.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.305.000.000	2.305.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.305.000.000	2.305.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.06		

TÀI SẢN	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (*)
1	2	3	4	4
II. Tài sản cố định	220		4.722.807.838	5.108.966.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.624.165.341	5.040.116.824
<i>Nguyên giá</i>	222		43.367.692.839	43.180.012.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(38.743.527.498)	(38.139.895.696)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	98.642.497	68.850.000
<i>Nguyên giá</i>	228		601.671.070	554.471.070
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(503.028.573)	(485.621.070)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	6.087.696.743	7.080.574.565
<i>Nguyên giá</i>	231		46.085.008.746	46.085.008.746
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(39.997.312.003)	(39.004.434.181)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		91.990.555.272	89.008.851.957
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	91.990.555.272	89.008.851.957
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		503.603.728.533	458.709.377.189
NGUỒN VỐN	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (*)
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		175.611.579.526	143.698.466.784
I. Nợ ngắn hạn	310		88.910.323.397	85.306.771.655
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	33.667.394	167.227.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	455.190.293	474.445.752
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.029.637.348	20.639.123.287
4. Phải trả người lao động	314	V.15	520.222.508	8.574.648.235
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	14.221.096.463	85.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	9.302.927.432	6.548.114.990
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	40.451.148.303	35.717.774.968
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.896.433.656	13.100.436.811
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			

NGUỒN VỐN	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330		86,701,256,129	58,391,695,129
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	83,931,117,917	55,621,556,917
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	2,770,138,212	2,770,138,212
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.21	327,992,149,007	315,010,910,405
I. Vốn chủ sở hữu	410		327,992,149,007	315,010,910,405
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230,601,000,000	230,601,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		84,409,910,405	84,409,910,405
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12,981,238,602	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,445,265,051	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,535,973,551	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		503,603,728,533	458,709,377,189

(*) Căn cứ số liệu báo cáo kiểm toán năm 2016 của công ty A&C lập ngày 24/01/2017.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Hồ Thị Quỳnh Liên

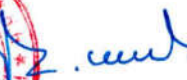
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



VŨ THANH HOÀNG

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)

NGUYỄN TƯƠNG MINH

TP Hồ Chí Minh, Ngày 03 Tháng 10 Năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN SỐ
ADVICE OF ACCOUNT BALANCE

Kính Gửi/Tới: CT TNHH MTV DV CƠ QUAN QUỐC NGOẠI
Địa chỉ: 124 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, Q3, TPHCM
(Address)

Printed: 09:24:31 03/10/17

CLF No: 000.0979 HA NY: 04L96 Vietcombank HoChiMinh Trang: 001

Chúng tôi xin báo số dư tài khoản của quý khách đến ngày: **30/09/17**
We are pleased to inform you of your account balance as of **30/09/17** as follows:

Số HĐ Contract No	Số Hiệu Tài Khoản Account Number	No/Co Db/Cr	Số Tiền Amount	Loại tiền Currency	Ngày DH Maturity
	007.0.00.0116587	Co/Cr	2 000 000 000.00	VND	/ /
	007.1.00.0005782	Co/Cr	14 233 658 788.00	VND	/ /
	007.1.00.4735213	Co/Cr	12 972 910 107.00	VND	/ /
	007.1.00.5685842	Co/Cr	135 062 991.00	VND	/ /
	007.1.37.0082295	Co/Cr	17 311.70	USD	/ /
	007.1.37.4735205	Co/Cr	304 501.87	USD	/ /
	007.5.00.1431435	Co/Cr	30 000 000 000.00	VND	10/09/18
	007.5.00.1431822	Co/Cr	20 000 000 000.00	VND	12/09/18
	007.5.00.1433983	Co/Cr	20 000 000 000.00	VND	28/09/18
	007.5.00.3149436	Co/Cr	300 000 000.00	VND	29/11/17

Chúng tôi kính yêu cầu quý khách xác nhận và gửi cho chúng tôi trước ngày **03/11/17**. Nếu có sai sót xin mời đến Ngân Hàng chúng tôi để đối chiếu. Qua thời gian trên mà chúng tôi không nhận được trả lời của quý khách, thì số dư trên sẽ được xem là chính xác.

You are kindly requested to advise us of your confirmation or, in case of any error, please call in at our office for reconciliation before **03/11/17**. Otherwise, the balance will be considered as correct.

Xác Nhận Dúng/We hereby confirm
the account balance stated above
Ngày 03 tháng 10 năm 2017 (Date: dd/mm/yy)
CHỦ TÀI KHOẢN/ACCOUNT HOLDER
(Ký Tên và Đóng Dấu/Signature & Seal)



NGUYỄN TƯỜNG MINH

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM
CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH
DVKTC1



Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO SỐ DƯ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

PGD SÀI GÒN

Kính gửi Ông/Bà : CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CQNN (FOSCO)

Địa chỉ : SO 124 NGUYEN DINH CHIEU P.6 Q.3 TP.HCM

Mã khách hàng : 99999875

Chúng tôi xin thông báo số dư tài khoản của quý vị / cơ quan đến hết ngày 30/09/2017 như sau :

STT	Số tài khoản	Loại tài khoản	Loại tiền	Số dư (bằng số)	Số dư (bằng chữ)
1	999998759999	TIEN GUI THANH TOAN DN TRONG NUOC VND	VND	1,007,223,066.00	một tỷ bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu mươi sáu đồng chẵn
2	999998750073	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
3	999998750074	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
4	999998750075	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
5	999998750063	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	16,500,000,000.00	mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn
6	999998750064	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
7	999998750070	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	10,000,000,000.00	mười tỷ đồng chẵn
8	999998750071	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn

Đề nghị quý vị / cơ quan xác nhận và gửi lại cho chúng tôi trước ngày 06/10/2017

Nếu cần đối chiếu chi tiết hoặc giải thích vấn đề cần thiết, xin mời đến trụ sở chi nhánh làm việc. Quá thời hạn trên, nếu chúng tôi không nhận được sự trả lời của quý vị thì số dư trên được coi là chính xác.

XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

KẾ TOÁN TRƯỞNG


VŨ THANH HOÀNG

CHỦ TÀI KHOẢN
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CƠ QUAN
NƯỚC NGOÀI
S.Đ.Κ.Đ.0300540207-C.Γ.Λ.Μ.Π.Η
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TƯƠNG MINH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Lệ Chửy

THÔNG BÁO SỐ DƯ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

Kính gửi Ông/Bà : CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CQNN (FOSCO)

Địa chỉ : SO 124 NGUYEN DINH CHIEU P.6 Q.3 TP.HCM

Mã khách hàng : 99999875

Chúng tôi xin thông báo số dư tài khoản của quý vị / cơ quan đến hết ngày 30/09/2017 như sau :

STT	Số tài khoản	Loại tài khoản	Loại tiền	Số dư (bằng số)	Số dư (bằng chữ)
1	999998759999	TIEN GUI THANH TOAN DN TRONG NUOC VND	VND	1,007,223,066.00	một tỷ bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu mươi sáu đồng chẵn
2	999998750073	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
3	999998750074	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
4	999998750075	TIEN GUI BAC THANG_DNTN_13T_LCK_VND	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
5	999998750063	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	16,500,000,000.00	mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn
6	999998750064	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn
7	999998750070	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	10,000,000,000.00	mười tỷ đồng chẵn
8	999998750071	HDTG KY HAN 13T TCKT TRONG NUOC VND CK	VND	30,000,000,000.00	ba mươi tỷ đồng chẵn

Đề nghị quý vị / cơ quan xác nhận và gửi lại cho chúng tôi trước ngày 06/10/2017

Nếu cần đối chiếu chi tiết hoặc giải thích vấn đề cần thiết, xin mời đến trụ sở chi nhánh làm việc. Quá thời hạn trên, nếu chúng tôi không nhận được sự trả lời của quý vị thì số dư trên được coi là chính xác.

XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THANH HOÀNG

CHỦ TÀI KHOẢN



NGUYỄN TƯỜNG MINH

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Lệ Chử